TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24-6-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nông Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Thắng;

2. Bà Vi Thị Hiệu.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Lý Thị Slỉnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Ông Hoàng Chí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 59/2024/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị N, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 15/5/2024, các lời khai sau đó, nguyên đơn chị Dương Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn, chị Dương Thị N và anh Hoàng Văn Q được tự do tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 5, 6 tháng. Sau đó, anh chị tự nguyện tiến tới hôn nhân. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 13/8/2013. Thời gian đầu vợ chồng

chung sống hạnh phúc được khoảng 2, 3 năm. Đến khoảng đầu năm 2016, vợ chồng phát sinh mẫu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có tính cách không hoà hợp, không cùng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau vì anh Hoàng Văn Q không tu chí làm ăn, không chăm lo cho gia đình. Tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt dần, cả hai không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa. Gia đình hai bên có biết mâu thuẫn của vợ chồng nhưng cũng không thể khuyên giải, hàn gắn được. Đến năm 2019 thì mâu thuẫn vợ chồng anh chị trầm trọng hơn, không thể hàn gắn tình cảm được nên cả hai sống ly thân tới nay. Từ năm 2019 đến nay, chị Dương Thị N về sống ở nhờ nhà bố mẹ đẻ ở Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, còn anh Hoàng Văn Q sống ở Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Thời gian ly thân, vợ chồng không ai có hành động hàn gắn tình cảm, không quan tâm gì tới nhau. Thậm chí anh Hoàng Văn Q còn ngoại tình với người phụ nữ khác nhưng khi chị Dương Thị N yêu cầu ly hôn thì anh Hoàng Văn Q lại không nhất trí. Vợ chồng xảy ra cãi nhau, anh Hoàng Văn Q đánh đập chị. Nay, chị Dương Thị N xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể chung sống với nhau được nữa. Chị Dương Thị N yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn Q.

Về con chung: Chị Dương Thị N và anh Hoàng Văn Q có 01 (một) con chung là cháu Hoàng Hải N, sinh ngày 29/6/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu Hoàng Hải N sống cùng anh Hoàng Văn Q. Hiện nay, chị Dương Thị N không có chỗ ở (ở nhờ nhà bố mẹ đẻ), không có việc làm ổn định (làm việc tự do) nên không đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc tốt cho con. Vì vậy, chị Dương Thị N yêu cầu anh Hoàng Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là cháu Hoàng Hải N, sinh ngày 29/6/2013 đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Dương Thị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng là 1.500.000 đồng kể từ ngày 01/7/2024 đến khi con đủ 18 tuổi.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị không có tài sản chung và không vay nợ ai.

Nguyên đơn chị Dương Thị N đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải và có đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên toà.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn anh Hoàng Văn Q trình bày:

Về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn đúng như lời khai của chị Dương Thị N. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng anh chị sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn. Năm 2018 anh Hoàng Văn Q đi làm ăn xa ở Trung Quốc thì chị Dương Thị N ở nhà với mẹ và con trai của anh chị là cháu Hoàng Hải N. Đến khoảng tháng 8/2018 (âm lịch), chị Dương Thị N xin phép về bên ngoại để hộ đám tang cụ ngoại. Sau đó, chị Dương Thị N không trở về nhà anh nữa. Gia đình anh cũng không gọi điện, liên lạc được với chị Dương Thị N. Anh Hoàng Văn Q biết tin thì trở về Việt Nam, đến nhà bố mẹ đẻ chị Dương Thị N để gặp, đón chị Dương Thị N về nhưng gia đình chị Dương Thị N ngăn cản, không cho gặp, thậm chí còn không mở cửa cho anh vào nhà. Tết nguyên đán, rằm tháng bảy thì anh

Hoàng Văn Q và con trai vẫn đến nhà bố mẹ đẻ của chị Dương Thị N thăm hỏi, đưa quà nhưng vẫn không được đón tiếp, không nhận quà. Từ năm 2018 đến nay, anh và chị Dương Thị N không liên lạc, không gặp nhau. Chị Dương Thị N cũng chưa từng về gặp con, không chu cấp nuôi con. Nay, anh Hoàng Văn Q cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm gì nên đồng ý ly hôn với chị Dương Thị N.

Về con chung: Anh Hoàng Văn Q nhất trí với yêu cầu của chị Dương Thị N. Anh Hoàng Văn Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là cháu Hoàng Hải N, sinh ngày 29/6/2013 đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn Q làm công việc tự do, thu nhập khoảng 5.000.000 đồng – 6.000.000 đồng/ tháng, có chỗ ở tại nhà mẹ đẻ của anh là bà Vương Thị C, địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Anh Hoàng Văn Q nhất trí với việc chị Dương Thị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng là 1.500.000 đồng, kể từ ngày 01/7/2024 đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ ai.

Tại bản tự khai ngày 05/6/2024 cháu Hoàng Hải N, sinh ngày 29/6/2013 trình bày cháu mong muốn được sống cùng với bố là anh Hoàng Văn Q.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử nhưng vắng mặt và đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Chị Dương Thị N và anh Hoàng Văn Q kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 13/8/2013 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2018 do tính cách không hoà hợp, không hiểu nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Từ năm 2018 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không còn tình cảm, không quan tâm, yêu thương nhau. Vì vậy, chị Dương Thị N yêu cầu ly hôn với anh Hoàng Văn Q là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Anh Hoàng Văn Q cũng nhất trí ly hôn với chị Dương Thị N. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn Q. Về con chung: Chị Dương Thị N và anh Hoàng Văn Q có 01 con chung là cháu Hoàng Hải N, sinh ngày 29/6/2013. Xét thấy anh Hoàng Văn Q có chỗ ở, có việc làm và thu nhập, có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bản thân cháu Hoàng Hải N cũng mong muốn được sống cùng với anh Hoàng Văn Q. Mặt khác chị Dương Thị N hiện nay không có chỗ ở ổn định đang ở nhờ nhà bố mẹ đẻ không đủ điều kiện nuôi con. Chị Dương Thị N và anh

Hoàng Văn Q đều có ý kiến thống nhất để anh Hoàng Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Hoàng Hải N, sinh ngày 29/6/2013 đến khi 18 tuổi. Để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về mọi mặt cho trẻ em, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Hoàng Hải N, sinh ngày 29/6/2013 cho anh Hoàng Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, chị Dương Thị N tự nguyện cấp tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi; tại phiên tòa anh Hoàng Văn Q cũng nhất trí với mức cấp dưỡng trên là phù hợp với quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị Dương Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề nghị xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Dương Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn đã được Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn triệu tập hợp lệ đến phiên toà nhưng không có mặt và đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hoàng Văn Q cư trú tại Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị N và anh Hoàng Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 13/8/2013. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị Dương Thị N và anh Hoàng Văn Q là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018 do tính cách không hoà hợp, không hiểu nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Từ năm 2018 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, yêu thương nhau và không ai có hành động hàn gắn tình cảm. Chị Dương Thị N yêu cầu ly hôn, anh Hoàng Văn Q nhất trí ly hôn nhưng do chị Dương Thị N có yêu cầu không hoà giải và xin giải quyết vắng mặt tại phiên toà nên Toà án không công nhận sự thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Dương Thị N và anh Hoàng Văn Q

đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng thống nhất ly hôn nên yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị N là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Dương Thị N và anh Hoàng Văn Q có 01 (một) con chung là cháu Hoàng Hải N, sinh ngày 29/6/2013, hiện đang sống với anh Hoàng Văn Q. Cả chị Dương Thị N và anh Hoàng Văn Q đều thống nhất giao con chung cho anh Hoàng Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy anh Hoàng Văn Q có việc làm, có thu nhập, có chỗ ở ổn định, được mẹ đẻ giúp đỡ, hỗ trợ trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nên đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Đồng thời cháu Hoàng Hải N cũng có nguyện vọng được sống cùng anh Hoàng Văn Q. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về mọi mặt cho trẻ em, cần giao con chung là cháu Hoàng Hải N, sinh ngày 29/6/2013 cho anh Hoàng Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Hoàng Văn Q yêu cầu chị Dương Thị N phải cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ ngày 01/7/2024 đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với ý kiến, yêu cầu của chị Dương Thị N nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Chị Dương Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Dương Thị N thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Dương Thị N và anh Hoàng Văn Q đều trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ ai. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Dương Thị N phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá

14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Dương Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn Q.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 41, đăng ký ngày 13/8/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Hoàng Hải N, sinh ngày 29/6/2013 cho anh Hoàng Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị Dương Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ ngày 01/7/2024 đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Dương Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Dương Thị N thực hiện quyền này.

3. Về nghĩa vụ chịu lãi suất chậm trả: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Chị Dương Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng số tiền án phí chị Dương Thị N phải nộp là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng. Xác nhận chị Dương Thị N đã nộp số tiền án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002317 ngày 15 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Chị Dương Thị N phải nộp thêm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nông Thị Huyền Trang